

Chim Việt Nam

Với 85 trang in màu hình vẽ và mô tả hơn 500 loài chim của Việt Nam, hy vọng cuốn sách sẽ là người bạn đồng hành của các bạn trong thiên nhiên.

BirdLife International là một tổ chức Bảo tồn Quốc tế với mạng lưới các chi nhánh, các cơ quan đại diện và liên kết các cá nhân trên toàn thế giới. BirdLife International theo đuổi việc bảo tồn tất cả các loài chim và nơi ở của chúng trên toàn cầu, thông qua đó thực hiện việc bảo vệ đa dạng sinh học trên toàn thế giới. BirdLife International ghi nhận những vấn đề làm ảnh hưởng lớn đến các loài chim, vùng cư trú của chúng và môi trường toàn cầu của chúng ta đều liên quan chặt chẽ với các yếu tố xã hội, kinh tế và văn hóa, và các yếu tố này chỉ có thể được giải quyết nếu như mọi hoạt động xã hội của loài người đều mang tính sinh thái bền vững, và nếu mọi nhu cầu, phúc lợi và khát vọng của nhân dân đều kết thành một bộ phận của toàn bộ hoạt động bảo tồn.

Các loài chim đã hưởng BirdLife International tập trung vào giá trị lớn lao của chúng. Chim là các sinh vật chỉ thị nhạy cảm đối với sự phong phú về sinh học, và khuyến khích của môi trường và mang đầy đủ các chức năng sinh thái quan trọng, chúng góp phần to lớn trong các quá trình tự nhiên xảy ra xung quanh ta, chúng là nguồn kinh tế quan trọng, và các loài chim đã mang lại niềm cảm hứng say mê cho con người thuộc nhiều nền văn hóa qua các thập kỷ, chúng đã trở thành các sứ giả tuyệt hảo làm gia tăng sự hiểu biết về bảo tồn và sự hợp tác quốc tế. BirdLife International theo đuổi các chương trình:

- * Nghiên cứu và phân tích một cách khoa học để xác định và kiểm kê các loài chim bị đe dọa nghiêm trọng trên toàn thế giới và các vùng có nguy cơ bị hủy hoại nặng nề nhất đối với bảo tồn đa dạng sinh học chim;
- * Đề xuất và phát triển chính sách nhằm đẩy mạnh bảo tồn các loài chim và đa dạng sinh học thông qua đó sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên;
- * Các chương trình bảo tồn quốc gia và hoạt động ở thực địa gắn liền với việc sử dụng đất của các cộng đồng và các dự án quản lý các loài thể hiện trong các chương trình mang lại lợi ích cho cho cả động vật hoang dã và con người;
- * Xây dựng mạng lưới tiềm năng để mở rộng và tăng cường sự phát triển toàn cầu của các tổ chức bảo vệ và gia tăng sự quan tâm của thế giới đối với việc bảo tồn các loài chim và môi trường sống rộng khắp của chúng..



Số 11, Ngõ 167, Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
ĐT / Fax: 84 4 851 7217
E-Mail: birdlife@birdlife.netnam.vn



Chim Việt Nam

NGUYỄN CỬ • LÊ TRỌNG TRÁI • KAREN PHILLIPPS

Chim Việt Nam

Cuốn sách hướng dẫn về các loài chim ở Việt Nam.



NGUYỄN CỬ
LÊ TRỌNG TRÁI
KAREN PHILLIPPS

Nhà xuất bản
Lao Động - Xã Hội - 2000

IUCN
The World Conservation Union



THE WORLD BANK

BirdLife
INTERNATIONAL

CHIM VIỆT NAM

Nguyễn Cử
Lê Trọng Trãi
Karen Phillipps



Minh họa
Karen Phillipps

Thiết kế
Lotus Communications

Nhà xuất bản Lao Động - Xã Hội - 2000

Sách lưu trữ tại

Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam
Số 11, Ngõ 167, Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Telephone/Fax: ++ 844 8517217
E-mail: birdlife@birdlife.netnam.vn

Tên công trình

Nguyễn Cử, Lê Trọng Trãi và Phillips, K. (2000)
Chim Việt Nam. Hà Nội: Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam

Xuất bản lần thứ nhất: Tháng 3-2000

Bản quyền: © Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam
ISBN: 094688840X



THE WORLD BANK

Việc xuất bản này có thể thực hiện là nhờ có sự tài trợ kinh phí của cơ quan Môi trường CY99 của Chương trình hợp tác giữa Ngân hàng Thế giới và Chính phủ Hà Lan, thông qua Chương trình Đa dạng sinh học khu vực của tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (IUCN) ở khu vực Nam và Đông Nam Á

This publication has been made possible with funding from the CY99 Environment Component of the World Bank/Netherlands Partnership Programme, through the IUCN Regional Biodiversity Programme for South and Southeast Asia.

NỘI DUNG

Lời cảm ơn	5
Giới thiệu	6
Sơ lược về đặc điểm sinh học của chim	8
Cấu tạo hình thái cơ thể chim	10
Các phương pháp và địa điểm quan sát chim ở Việt Nam	14
Việc bảo vệ các loài chim ở Việt Nam	22
Chim trong nền văn hoá Việt Nam	25
Mô tả các loài	
Họ Chim Lặn, Họ Bồ Nông và Họ Cốc	28
Họ Diệc	30
Họ Hạc	36
Họ Cò Quắm	38
Vịt, Ngỗng, và Thiên Nga	40
Họ Sếu, Họ Ô Tác, Ngỗng và Họ Chân Bơi	48
Họ Ưng	52
Họ Cắt	64
Họ Trĩ và Họ Cun Cút	68
Họ Gà Lối Nước và Họ Gà Nước	74
Họ Chai Chai	78
Họ Dô Nách	82
Họ Cốc Biển, Họ Chim Diên và Họ Hai Âu	102
Họ Mòng Bể	104
Phân Họ Nhàn	108
Họ Bồ Câu	112
Họ Cu Cu	114
Họ Bim Bíp	118
Họ Yến và Họ Trâu	120
Họ Hồng Hoàng và Họ Nước	122
Họ Gõ Kiến	124
Họ Cu Rốc và Họ Sả Rừng	126
Họ Vẹt và Họ Đầu Riu	128
Họ Cú Lợn và Họ Cú Mèo	130
Họ Cú Muối	132
Họ Bói Cá	134
Họ Nhạn và Họ Đuoi Cụt	136
Họ Sơn Ca, Họ Sẻ và Họ Chia Vôi	138
Họ Phướng Chèo và Họ Chim Lam	142
Họ Chào Mào	144
Họ Chích Chòe	146
Họ Chiến Chiện Đồng	156

Họ Chim Chích	158
Họ Đớp Ruồi	166
Họ Rẽ Quạt	172
Họ Khuống	174
Họ Khuống Mỏ Dẹt	182
Họ Bạc Má	184
Họ Hút Mật, Họ Chim Sâu và Họ Vàng Khuyên	186
Họ Bách Thanh	188
Họ Chèo Bẻo và Họ Vàng Anh	190
Họ Quạ	192
Họ Sáo	194
Họ Sẻ Thông	198
Họ Sẻ Đồng	200
Họ Chim Di	204

Tài liệu tham khảo	206
Các thông tin về kết quả điều tra và bảo vệ chim ở Việt Nam	207
Danh lục chim Việt Nam	208
Bảng tra cứu tên khoa học	233
Bảng tra cứu tên tiếng Việt	236
Bảng tra cứu tên tiếng Anh	240

LỜI CẢM ƠN

Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam chân thành cảm ơn Ngân hàng Thế giới và Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (IUCN) đã trợ giúp tài chính cho việc xuất bản cuốn sách này. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn Tiến sĩ Tony Whitten, chuyên gia cao cấp về Đa dạng Sinh học và Bảo vệ Môi trường Đông Á, Ngân hàng Thế giới đã khích lệ cổ vũ cho việc biên soạn, xuất bản cuốn sách. Chúng tôi cũng mong muốn được cảm ơn Tiến sĩ Scott L. Perkin, Giám đốc Chương trình Đa dạng Sinh học Khu vực của IUCN đã hướng dẫn và hỗ trợ công việc này.

Sách *Chim Việt Nam* dựa trên cơ sở cuốn sách *Chim Hồng Kông và Nam Trung Quốc* (1994) của các tác giả Clive Viney, Lam Chiu Ying và Karen Philipps. BirdLife xin cảm ơn các tác giả và họa sĩ đã cho phép sử dụng các tư liệu về mô tả hình thái các loài và nhất là hình vẽ của cuốn sách nói trên. Chúng tôi vô cùng biết ơn các tác giả đã cho phép sử dụng bản quyền của cuốn sách, xin chân thành cảm ơn Karen Phillips đã giúp bổ sung hình vẽ minh họa các loài chim bị đe dọa và đặc hữu của Việt Nam.

Phần phụ lục của cuốn sách có *Danh lục Chim Việt Nam* của các tác giả Võ Quý và Nguyễn Cử đã xuất bản trước đây. Nhân dịp này BirdLife xin được cảm ơn các tác giả đã cho phép in lại bản danh lục đó trên cơ sở có sửa đổi.

Cuốn sách đã sử dụng các bản đồ trong báo cáo *Mở rộng hệ thống rừng đặc dụng của Việt Nam cho thế kỷ 21: Phân tích hiện trạng với các đề xuất mở rộng tổng thể* của các tác giả Wege, D.C., Long, A.J., Mai Kỳ Vinh, Vũ Văn Dũng và Jonathan C. Eames.

Tổ chức BirdLife xin được bày tỏ lời cảm ơn đến Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật đã cử Tiến sĩ Nguyễn Cử và Viện Điều tra và Quy hoạch Rừng đã cử ông Lê Trọng Trãi tham gia việc biên soạn cuốn sách theo dự án của Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam.

Cuốn sách do Nguyễn Phú Quốc biên tập và hoàn thiện, đồng thời có sự tham gia biên soạn một số chương của Andrew Tordoff, Nguyễn Đức Tú, Hà Quý Quỳnh và Nguyễn Lương Duyên. Chúng tôi cũng xin cảm ơn ông Vũ Quang Minh đã tham gia dịch từ bản tiếng Anh phần mô tả hình thái các loài, và ông Steve Christensen, Giám đốc thiết kế và chế bản của Lotus Communications, đã thiết kế và lên trang cho cuốn sách.

ACKNOWLEDGEMENTS

The BirdLife International Vietnam Programme would like to thank the World Bank and IUCN-The World Conservation Union, for the financial support that made the production of this book possible. We would particularly like to thank Dr. Tony Whitten, Senior Biodiversity Specialist with the East Asia Environment Unit of the World Bank, for his inspiration and enthusiasm. We would also like to thank Dr. Scott L. Perkin, the Head of IUCN's Regional Biodiversity Programme, for his guidance and support.

Chim Vietnam is based upon *Birds of Hong Kong and Southern China* by Clive Viney, Lam Chiu Ying and Karen Philipps. BirdLife gratefully acknowledges the authors and artist for permitting the reproduction of selected passages of text and most of the illustrations from that book. We are further indebted to them for waiving their copyrights and royalties. We would also like to thank Karen Philipps for illustrating additional plates of selected endemic and endangered species.

Incorporated in an appendix to this book is a checklist of the birds of Vietnam, based upon *Checklist of the Birds of Vietnam* by Vo Quy and Nguyen Cu. BirdLife would like to thank the authors for permitting its reproduction here in a modified form.

The maps reproduced in this book are based upon the BirdLife International Vietnam Programme report, entitled *Expanding the protected areas network in Vietnam for the 21st Century*: written by David Wege, Adrian Long, Mai Kỳ Vinh, Vũ Văn Dũng and Jonathan Eames.

BirdLife would like to thank the Institute of Ecology and Biological Resources for permitting the secondment of Dr. Nguyen Cu to the BirdLife International Vietnam Programme, and the Forest Inventory and Planning Institute for permitting the secondment of Lê Trọng Trãi.

This book was compiled and edited by Nguyen Phu Quoc. Additional chapters were written by Andrew Tordoff, Nguyen Duc Tu, Ha Quy Quynh and Nguyen Luong Duyen of the BirdLife International Vietnam Programme. Thanks are also due to Vu Quang Minh for translator and to Steve Christensen, Designer and Creative Director at Lotus Communications, for design and layout.

GIỚI THIỆU

Việt Nam có khu hệ chim rất phong phú, đến nay đã tìm thấy gần 850 loài, chiếm khoảng 9% tổng số loài chim trên toàn thế giới.

Sách Chim Việt Nam nhằm góp phần nâng cao sự hiểu biết và quan tâm đến việc bảo vệ các loài chim ở Việt Nam, bổ sung thêm nguồn tài liệu về phân loại các loài chim hiện có, đặc biệt lần đầu tiên đây là một tài liệu giúp cho mọi người đều có thể tự mình nhận dạng được một cách dễ dàng các loài chim trong tự nhiên. Đồng thời cuốn sách còn góp phần từng bước chuẩn hoá tên phổ thông tiếng Việt và tên tiếng Anh cũng như mô tả hình thái của chúng.

Để thực hiện mục đích nói trên cuốn sách đã giới thiệu hơn 500 trong tổng số các loài chim hiện có ở Việt Nam, mỗi loài đều có hình vẽ kèm theo.

Nội dung mô tả

Thứ tự sắp xếp. Các loài chim trong sách được sắp xếp dựa theo cuốn Chim Hồng Kông và Nam Trung Quốc (Viney *et al*, 1994). Có một số bổ sung và thay đổi dựa trên tài liệu mô tả hiện nay, cũng như số liệu về các loài bị đe dọa và mới phát hiện ở Việt Nam trong thời gian gần đây. Danh lục Chim Việt Nam của Võ Quý và Nguyễn Cử (1995) thể hiện ở phần thư mục đã giới thiệu thêm các loài không có trong bản gốc được sử dụng nói trên.

Tên Chim. Tên phổ thông tiếng Việt được sử dụng từ các nguồn khác nhau, chủ yếu theo cuốn Danh lục Chim Việt Nam của Võ Quý và Nguyễn Cử (1995). Tên tiếng Anh và tên khoa học theo Inskipp *et al*, (1996).

Kích thước. Số liệu về kích thước nêu trong phần mô tả các loài là chiều dài thân đo từ mỏ đến hết chiều dài đuôi theo đường thẳng.

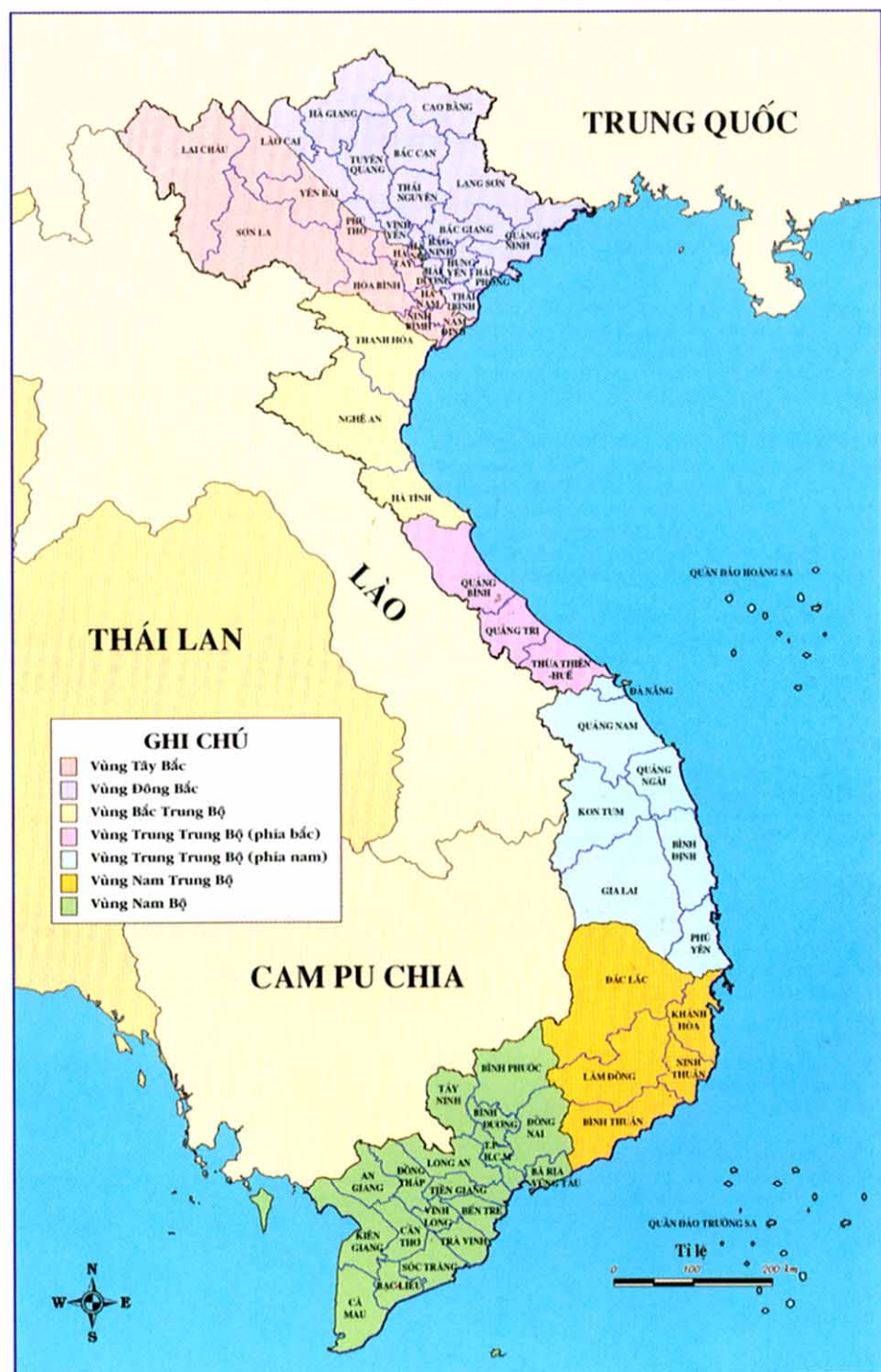
Các điểm cần chú ý. Mỗi loài đều được mô tả về hình thái kết hợp với hình vẽ. Phần mô tả ngắn gọn, chủ yếu tập trung vào các đặc điểm chính về màu sắc của bộ lông để giúp cho tất cả mọi người đều có thể dễ dàng nhận biết chim ngoài thiên nhiên. Các hình vẽ về chim cái, chim non và sự thay đổi màu lông theo mùa của mỗi loài được thể hiện trong khuôn khổ cho phép. Một số đặc điểm khác nhằm giúp cho việc xác định chim trong thiên nhiên như kiểu bay, tập tính bắt mồi và các tập tính khác ít nhiều đã được đề cập đến.

Tiếng hót. Phần mô tả tiếng hót, tiếng kêu thực chất để nhằm giúp thêm cho việc xác định chim khi quan sát trực tiếp.

Phân bố. Phạm vi phân bố các loài chim ở Việt Nam bao gồm các khu vực khác nhau: Vùng Bắc Bộ: gồm Tây Bắc và Đông Bắc; Trung Bộ: được phân chia thành vùng Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ (gồm Bắc Trung Trung Bộ và Nam Trung Trung Bộ) và Nam Trung Bộ, và cuối cùng là vùng Nam Bộ. Khi mô tả các loài có vùng phân bố hẹp chỉ nêu không quá tên của 5 tỉnh. Bản đồ 1 thể hiện tên các tỉnh trong cả nước.

Tình trạng. Ghi nhận theo tình trạng quần thể các loài hiện nay ở Việt Nam. Các cấp được sử dụng như rất phổ biến, phổ biến, không phổ biến, hiếm hoặc bị tuyệt chủng. Đồng thời sử dụng tiêu chí của IUCN đối với các loài chim bị đe dọa thông qua tài liệu "Birds to watch 2" của Collar *et al*. (1994). Thêm vào đó, các đặc tính sinh học của từng loài về định cư, di cư, trú đông và bay qua... cũng được giới thiệu.

BẢN ĐỒ 1: CÁC TỈNH VÀ VÙNG PHÂN BỐ CỦA CHIM VIỆT NAM



SƠ LƯỢC VỀ ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC CỦA CHIM

Mở đầu

Trên khắp hành tinh của chúng ta: Từ các vùng rừng núi hoang vu đến các sa mạc khô cằn, các vùng cực và đại dương mênh mông, từ thành thị đến các miền thôn quê xa xôi, đâu đâu cũng gặp chim. Trên thế giới hiện có khoảng hơn 9000 loài chim. Chúng phân bố không đồng đều, nhiều nhất là vùng nhiệt đới, đặc biệt ở rừng, là nơi có điều kiện sống thuận lợi hơn cả.

Khác với các nhóm động vật khác như thú, bò sát, ếch nhái và cá, chim là loài động vật có xương sống đi bằng hai chân, mình phủ lông vũ và hai chi trước biến thành cánh, bộ xương chắc, xốp và nhẹ, không có răng, chỉ có mỏ sừng, tim có 4 ngăn, máu động mạch và tĩnh mạch riêng biệt, bán cầu não và các giác quan, nhất là tai và mắt rất phát triển.

Một quần thể chim là tập hợp các nhóm loài có cấu tạo giống nhau, cùng sinh sống trong những điều kiện như nhau, có khả năng giao phối với nhau để tạo ra hậu thế giống như mình, và về mặt sinh sản hoàn toàn cách biệt với các loài khác. Những loài gần nhau tức là có cùng nguồn gốc tạo thành một giống, nhiều giống hợp thành một họ, nhiều họ hợp thành một bộ, nhiều bộ hợp thành lớp chim. Theo thống kê đến năm 1995, ở nước ta có 828 loài chim, thuộc khoảng 60 họ, 19 bộ. Tuy cách phân chia mà ít nhiều có sự thay đổi.

Bộ lông và sự thích nghi bay lượn của chim

Chim bay được là nhờ có bộ lông vũ, mà các loài động vật biết bay khác đều không thể có được. Bộ lông có cấu tạo phức tạp và rất quan trọng đối với chim. Nó tạo nên diện rộng của cánh và đuôi giúp cho chim bay lượn, bảo vệ mưa nắng và giữ cho thân nhiệt luôn luôn ở mức trung bình là 40,4°C. Chính vì thế mà chúng luôn chăm sóc bộ lông của mình bằng cách sử dụng chất mỡ nhờn của tuyến phao câu để chải cho bộ lông luôn luôn bóng mượt. Tuy nhiên, sau một thời gian ít nhiều bộ lông cũng bị mòn, hư hỏng, cho nên hàng năm bộ lông chim được thay một lần, thường là sau mùa sinh sản, một số lông có thể thay lần hai để tạo nên "bộ áo cưới" trước khi vào mùa sinh sản.

Ngoài ra, để thích nghi với sự bay lượn, trong cơ thể chim có hệ thống túi khí, và hô hấp kép, nghĩa là khi thở ra hít vào không khí đều qua phổi, bảo đảm cung cấp đủ oxy, bên cạnh đó chim còn cần năng lượng lớn để bù đắp cho hoạt động bay lượn cho nên hàng ngày chúng phải ăn một lượng thức ăn lớn. Tuy cách bay của mỗi loài có khác nhau, nhưng chỉ có 2 động tác chính là vỗ cánh và lượn. Tốc độ bay khác nhau, ví dụ tốc độ bay của loài quạ là 50km/giờ, sáo 70km/giờ, và ngỗng trời là 90-100km/giờ.

Thính giác

Thính giác của chim có vai trò quan trọng trong đời sống của chúng. Chim dùng âm thanh để xác định ranh giới vùng làm tổ, cảnh cáo kẻ thù xâm phạm vùng làm tổ, bày tỏ tình cảm, báo hiệu thức ăn, họp đàn, dẫn đường đi cư trong đêm tối, báo hiệu sự nguy hiểm, cầu cứu và để nhận biết con cái hay bạn cùng đôi lứa, nhận biết con non ở tổ của mình, Thính giác của chim thính gấp 10 lần của người.

Tiếng hát

Tiếng hát, tiếng kêu của chim có vai trò quan trọng trong đời sống hàng ngày của chúng. Khoa âm sinh học đã biểu hiện được sự phong phú của tiếng hát bằng việc sử dụng máy giao động kí. Ngoài tiếng hát còn có tiếng kêu. Chim có khả năng bắt chước tiếng hát như khướu, quạ, sáo, yến. Mỗi loài có tiếng hát, kêu khác nhau. Chia âm thanh chim phát ra làm 5 loại chính: hoạt động tập hợp bầy đàn, báo có thức ăn, báo có kẻ thù, thể hiện tình cảm mẹ con, biểu thị tình yêu và xung đột. Các loài chim biết nói cũng chỉ lặp đi lặp lại lời nói của người một cách vô ý thức mà thôi.

Tuổi thọ

Do điều kiện sống thay đổi nên tuổi thọ của chim nuôi không giống như của chim hoang dã, và nghiên cứu tuổi thọ của các loài hoang dã là công việc khó khăn. Trung bình tuổi thọ của các loài cú là 15 năm, vẹt 20 năm, ngỗng, vịt 20 năm, bồ câu 12 năm, gà 13 năm (gà nhà 30 năm), sơn ca 20 năm, vẹt đỏ ở Bắc Mỹ 64 năm.

Nhịp điệu hoạt động ngày đêm

Chim hoạt động kiếm ăn tích cực nhất vào lúc sáng sớm, khi mặt trời mọc và buổi chiều trước khi hoàng hôn đến. Buổi trưa chúng thường ít hoạt động. Một số nhóm loài kiếm ăn ban đêm như cú, còn đa số chim hoạt động ban ngày. Một số loài thức dậy và cất tiếng hát rất sớm, như gà rừng, chào bèo, chích choè. Về mùa đông có thể chúng thức dậy chậm hơn.

Thức ăn và cách kiếm ăn

Thức ăn của chim nói chung rất phức tạp, nhưng với từng loài thì đơn giản hơn. Có thể chia thành 3 nhóm chính: Chim ăn động vật, ăn thực vật và ăn tạp. Mỗi nhóm lại có thể chia nhỏ hơn như ăn thịt sống, nhóm này lại chia thành nhóm ăn thịt ban ngày, ban đêm, xác chết, ăn cá, hay nhóm ăn thực vật lại có nhóm ăn quả mềm, ăn hạt, ăn mật hoa. Dựa theo môi trường sống, có nhóm chim rừng, chim nước, chim biển. Các nhóm có cùng loại thức ăn thì lại có cách kiếm ăn khác nhau. Cùng ăn côn trùng nhưng lại kiếm ăn trên mặt đất, ở thân cây, giữa tán rừng, và trong không khí. Mỗi loài lại có sự thích nghi để bắt mỗi riêng, như cò, sáo thường đậu ở thân trâu bò để bắt côn trùng, chim gõ kiến có lưỡi kéo dài, diệc có chân cao để lội chỗ nước sâu, hút mật có mỏ nhỏ cong để hút mật hoa, diều hâu có ngón chân khỏe để quặp con mồi, v.v.

Sinh sản

Mùa sinh sản: Chim sinh sản theo mùa, thường làm tổ vào lúc thời tiết thuận lợi, đầu xuân, khi trời ấm áp. Nếu chỉ có 2 mùa thì chim ăn côn trùng sinh sản vào đầu mùa mưa, chim ăn thịt vào giữa mùa khô khi cây rụng lá, dễ nhìn thấy con đực vẫn tiếp tục sống đơn lẻ. Có hiện tượng ghép đôi đơn giao, và ghép đôi đa giao như gà, đà điểu châu Phi. Có thể con đực làm tổ và gọi con cái đến nhưng có khi cả hai cùng làm tổ. Hiện tượng ghép đôi không đơn giản, là một tập tính khá phức tạp gọi là khoe mẽ. Thể hiện bằng điệu bộ, cử chỉ, tiếng kêu, phô trương phần đẹp của bộ lông hay một bộ phận nào đó gây sự gợi cảm hấp dẫn cho con cái hay hăm dọa đối thủ, điển hình nhất là các loài thuộc họ trĩ, sếu.

Kết đôi và khoe mẽ: Phần lớn các loài chim chỉ kết đôi trong mùa sinh sản, thậm chí có loài chỉ ghép đôi trong một lứa đẻ. Ngược lại một số loài khác lại kết đôi suốt đời như ngỗng trời, thậm chí hình như khi con cái bị chết thì con đực vẫn tiếp tục sống đơn lẻ. Có hiện tượng ghép đôi đơn giao, và ghép đôi đa giao như gà, đà điểu châu Phi. Có thể con đực làm tổ và gọi con cái đến nhưng có khi cả hai cùng làm tổ. Hiện tượng ghép đôi không đơn giản, là một tập tính khá phức tạp gọi là khoe mẽ. Thể hiện bằng điệu bộ, cử chỉ, tiếng kêu, phô trương phần đẹp của bộ lông hay một bộ phận nào đó gây sự gợi cảm hấp dẫn cho con cái hay hăm dọa đối thủ, điển hình nhất là các loài thuộc họ trĩ, sếu.

Làm tổ: Là bước tiếp theo sau khi khoe mẽ và ghép đôi. Dựa vào chỗ làm tổ, hình dáng, kích thước và vật liệu có thể biết được tổ của loài nào. Tổ có thể được làm đơn giản hay phức tạp. Vị trí tổ rất khác nhau: trên cành cao, trung bình, thấp, thân cây, hốc cây, trên mặt đất, trong bụi rậm, trong ổ cây, chỗ trống, bên bờ nước, trong hang đá, trong đất, cát,... Tổ làm tập đoàn và đơn lẻ, luôn làm tổ mới, sử dụng tổ cũ. Con đực và cái cùng làm hay chỉ con đực. Tập tính làm tổ khác nhau ở các loài khác nhau.

Đẻ trứng, ấp và nuôi con non: Hầu hết các loài bắt đầu đẻ khi làm xong tổ, chim có kích thước nhỏ đẻ mỗi ngày một trứng vào lúc sáng sớm, trừ các loài như tu hú đẻ vào tổ con khác thì đẻ vào chiều để tránh bị va chạm. Chim lớn có thể đẻ cách nhật để có đủ thời gian tạo trứng, đại bàng đẻ cách 5 ngày. Số trứng đẻ cũng thay đổi, chim cánh cụt đẻ một trứng, yến cò đẻ 2 trứng, đa số loài đẻ 5-7 trứng như chào mào, gà vịt đẻ 12-15 trứng, tuy nhiên có nhiều loài đẻ trứng không hạn định. Một số loài ấp sau khi đẻ đủ số trứng như các loài sẻ, trĩ, vịt, số khác bắt đầu ấp ngay khi đẻ quả trứng thứ nhất như các loài chim ăn thịt. Kích thước trứng tỷ lệ thuận với kích thước của chim. Màu sắc của trứng cũng khác nhau ở mỗi loài. Chim sẻ và một số loài khác con non ra đời trước khi kết thúc tuần ấp thứ 2. Trứng nở ở tuần thứ 3 có gà nước, quạ, tuần thứ 4 có cốc, diệc, vịt, tuần thứ 5,6 có diều hâu, ngỗng, thú tầm cò đại bàng, tuần 9,10 có hải âu lớn. Có loài chim non khỏe, và yếu. Thông thường cả đực và cái thay nhau mổ mồi. Thời gian chim non ở tổ khác nhau đối với từng loài. Mọi hoạt động của chim non khi trưởng thành đều do bản năng.

Hiện tượng di cư của chim

Các nhóm động vật khác cũng có hiện tượng di cư theo mùa nhưng chỉ có chim là di cư với quy mô lớn nhất. Khác với các loài sống thường trú (hay nhóm định cư), có các nhóm loài di trú (nhóm di cư). Nhóm này sinh trưởng ở các vùng hàn đới và ôn đới như Xi-bê-ri, Mông Cổ, Bắc Trung Quốc,... đến cuối mùa thu, chúng rời khỏi các vùng quê hương giá lạnh bay đến các vùng ấm áp hơn như Việt Nam, Malaysia, Úc Châu,... vào đầu xuân, chúng lại bay về phương bắc để làm tổ. Để nghiên cứu sự di cư của chim, ngày nay người ta có nhiều phương pháp như đeo vòng, (vòng kim loại, vòng nhựa có màu khác nhau), và sử dụng máy định vị là các phương pháp không cần đánh bắt lại vẫn biết được sự xuất hiện của chim. Hiện nay trên thế giới có hàng triệu chim đã được đeo vòng. Các loài di cư với quãng đường dài ngắn khác nhau, độ cao và tốc độ khác nhau, bay ngày hay bay đêm, và bay theo đội hình khác nhau. Ngỗng vịt bay với tốc độ 80-90km/h và ở độ cao 200-1300, sếu bay cao 800-2400m. Có nhiều quan điểm khác nhau về xác định hướng bay, nguyên nhân di trú, v.v. Chim di trú ở nước ta có số loài khá lớn.

Chim và con người

Từ xa xưa con người đã có quan hệ gần gũi với các loài chim, ngày nay với sự phát triển của đời sống tinh thần, con người càng đòi hỏi nhiều hơn các thú vui chơi giải trí, và nuôi chim cảnh là một trong các thú vui hiện đang phát triển ở nước ta, đặc biệt là ở các đô thị. Tại nhiều nước trên thế giới từ lâu việc quan sát chim ở thiên nhiên đã thu hút nhiều người, thuộc các lứa tuổi khác nhau. Xem chim đã trở thành như là một bộ phận không thể thiếu trong du lịch sinh thái, ngoài ra nó còn giúp ích cho công tác giáo dục bảo vệ chim, bảo vệ thiên nhiên và môi trường sống của chim, các loài hoang dã và con người.